Đại Tạng Kinh Việt Nam

Kinh Tiểu Bộ — tập 2 (Khuddaka Nikāya)

Tieu Bo II - Index

font

Đại Tạng Kinh Việt Nam

Tiểu Bộ Kinh - Tập II

Khuddaka Nikàya Giáo sư Trần Phương Lan dịch Việt

Mục lục Tập II

2.1 Chuyện Thiên Cung (chú giải)

Nguyên tác tiếng Anh: Horner, I. B., "Stories of the Mansions", Pali Text Society, 1974

Phẩm I : Lâu Đài Nữ Giới 1. Lâu Đài Có Sàng Toạ (Pìtha - Vimàna).

2. Lâu Đài Có Sàng Tọa Thứ Hai (Dutiyapìthà - Vimàna)

3. Lâu Đài Có Sàng Toạ Thứ Ba (Tatiyapìyhà -Vimàna)

4. Lâu Đài Có Sàng Toạ Thứ Tư (Catutthapìthà -Vimàna)

5. Lâu Đài Có Con Voi (Kunjara-Vimàna)

6. Lâu Đài Có Chiếc Thuyền (Nàvà-Vimàna)

7. Lâu Đài Có Chiếc Thuyền Thứ Hai (Dutiyanàvà-Vimàna)

8. Lâu Đài Có Chiếc Thuyền Thứ Ba (Tatiyamàvà -Vimàna)

9. Lâu Đài Có Ngọn Đèn (Dipa -Vimàna)

10. Lâu Đài Do Cúng Mè (Tiladakkhina -Vimàna)

11. Lâu Đài Trinh Phụ (Patibbatà -Vimàna)

12. Lâu Đài Trinh Phụ Thứ Hai (Dutiyapatibbatà -Vimàna)

13. Lâu Đài Của Nàng Dâu (Sunisà -Vimàna)

14. Lâu Đài Nàng Dâu Thứ Hai (Dutiyasunisà -Vimàna)

15. Chuyện thứ mười lăm Lâu Đài Của Uttarà (Uttarà -Vimàna)

16. Chuyện thứ mười sáu Lâu Đài Của Sirimà (Sirimà -Vimàna)

17. Chuyện thứ mười bẩy Lâu Đài Của Kesakàri (Kesakàri-Vimàna) Phẩm II - Cittalatà
1. (18) Lâu Đài Của Nữ Tỳ (Dàsi -Vimàna)

2. (19) Lâu Đài Của Lakhumà (Lakhumà -Vimàna)

3. (20) Lâu Đài Của Người Cho Cơm Cháy (Acàmàdàykà -Vimàna)

4. (21) Lâu Đài Của Nàng Chiên Đà La (Candàlì -Vimàna)

5. (22) Lâu Đài Của Phu Nhân Khả Ái (Bhaddhitthi -Vimàna)

6. (23) Lâu Đài Của Sonadinnà (Sonadinnà -Vimàna)

7. (24) Lâu Đài Của Uposatha (Uposatha -Vimàna)

8-9. (25-26) Lâu Đài Của Niddà và Suniddà (Niddà- Suniddà -Vimàna)

10. (27) Lâu Đài Của Người Nử Thí Chủ (Bhìkkhàdàyikà -Vimàna)

11. (28) Lâu Đài Của Nữ Thí Chủ Thứ Hai (Dutiyabhikkhàdàyikà -Vimàna)

Phẩm III - Pàricchattaka 1. (29) Lâu Đài Huy Hoàng (Ulàra -Vimàna)

2. (30) Lâu Đài Do Cúng Mía (Ucchu -Vimàna)

3. (31) Lâu Đài Có Chiếc Trường Kỷ (Pallanka -Vimàna)

4. (32) Lâu Đài Của Latà (Latà -Vimàna)

5. (33) Lâu Đài Của Guttila (Guttila -Vimàna)

6. (34) Lâu Đài Rực Rỡ (Daddlha -Vimàna)

7. (35) Lâu Đài Của Sesavati (Sesavati -Vimàna)

8. (36) Lâu Đài Của Mallikà (Mallikà -Vimàna)

9. (37) Lâu Đài Của Visàlakkhì (Visàlakkhì -Vimàna)

10. (38) Lâu Đài Cây San Hô (Paricchattaka -Vimàna)

Phẩm IV - Đỏ

Sẫm 1. (39) Lâu Đài Đỏ Sẫm (Manjetthaka
-Vimàna)

2. (40) Lâu Đài Sáng Chói (Pabhassara -Vimàna)

3. (41) Lâu Đài Trên Con Voi (Nàga -Vimàna)

4. (42) Lâu Đài Alomà (Alomà -Vimàna)

5. (43) Lâu Đài Người Cúng Cháo Gạo (Kanjikadàyika -Vimàna)

6. (44) Lâu Đài Tinh Xá (Vihàra -Vimàna)

7. (45) Lâu Đài Bốn Nữ Nhân (Caturitthi -Vimàna)

8. (46) Lâu Đài Vườn Xoài (Amba -Vimàna)

9. (47) Lâu Đài Hoàng Kim (Pita -Vimàna)

10. (48) Lâu Đài Do Cúng Mía (Ucchu -Vimàna)

11. (49) Lâu Đài Do Sự Đảnh Lễ (Vandana -Vimàna)

12. (50) Lâu Đài Của Rajjumàlà (Rajjumàlà-Vimàna)

Phẩm V - Đại Xa 1. (51) Lâu Đài Tiên Nhái (Mandukadevaputta -Vimàna)

2. (52) Lâu Đài Của Revatì (Revatì -Vimàna)

3. (53) Lâu Đài Của Chatta, Nam tử Bà-la-môn (Chattamànava -Vimàna)

4. (54) Lâu Đài Của Người Cúng Cháo (Kakkatakarasadàyaka -Vimàma)

5. (55) Lâu Đài Của Người Giữ Cửa (Dvàrapàlaka -Vimàna)

6. (56) Lâu Đài Do Công Đức Thiện Sự (Karanìya -Vimàna)

7. (57) Lâu Đài Thứ Hai Do Công Đúc Thiện Sự (Dutiyakaraniya -Vimàna)

8. (58) Lâu Đài Do Cúng Cây Kim (Sùci -Vimàna)

9. (59) Lâu Đài Thứ Hai Do Cúng Cây Kim (Dutiyasùci -Vimàna)

10. (60) Lâu Đài Con Voi (Nàga -Vimàna)

11. (61) Lâu Đài Con Voi Thứ Hai (Dutiyanàga -Vimàna)

12. (62) Lâu Đài Con Voi Thứ Ba (Tatiyanàga -Vimàna)

13. (63) Lâu Đài Có Cỗ Xe Nhỏ (Cùlaratha -Vimàna)

14. (64) Lâu Đài Có Cỗ Xe Lớn (Mahàratha -Vimàna) Phẩm VI - Pàyasi 1. (65) Lâu Đài Gia Chủ (Agàriya -Vimàna)

2. (66) Lâu Đài Gia Chủ Thứ Hai (Dutiya-Agàriya -Vimàna)

3. (67) Lâu Đài Của Người Cúng Trái Cây (Phaladàya-Vimàna)

4. (68) Lâu Đài Của Người Cúng Chỗ Cư Trú (Upassayadàya-Vimàna)

5. (69) Lâu Đài Của Người Cúng Chỗ Cư Trú Thứ Hai (Dutiya- Upassayadàyaka -Vimàna)

6. (70) Lâu Đài Của Người Cúng Món Khất Thực (Bhikkhàdàyaka -Vimàna)

7. (71) Lâu Đài Của Người Giữ Lúa Mạch (Yavapàlaka -Vimàna)

8. (72) Lâu Đài Của Vị Thiên Tử Đeo Vòng Tai (Kundalì -Vimàna)

9. (73) Lâu Đài Của Vị Thiên Tử Thứ Hai Đeo Vòng Tai (Dutiyakundalì -Vimàna)

10. (74) Lâu Đài Của Uttara (Uttara -Vimàna)

Phẩm VII - Sunikkhitta 1. (75) Lâu Đài Cittalatà (Cittalatà -Vimàna)

2. (76) Lâu Đài Nandana (Nandana-Vimàna)

3. (77) Lâu Đài Có Trụ Ngọc Bích (Manithùna -Vimàna)

4. (78) Lâu Đài Bằng Vàng (Suvanna -Vimàna)

5. (79) Lâu Đài Vườn Xòai (Amba -Vimàna)

6. (80) Lâu Đài Của Người Chăn Bò (Gopàla -Vimàna) 7. (81) Lâu Đài Của Kanthaka (Ngựa Kiền Trắc) (Kanthaka -Vimàna)

8. (82) Lâu Đài Có Nhiều Màu Sắc (Anekavanna -Vimàna)

9. (83) Lâu Đài Của Vị Thiên Tử Đeo Vòng Tai Sáng Chói (Mattakundalì -Vimàna)

10. (84) Lâu Đài Của Serissaka (Serissaka -Vimàna)

11. (85) Lâu Đài Của Sunikkhitta (Sunikkhitta -Vimàna)

2.2 Chuyện Ngạ Quỷ (chú giải)

Nguyên tác tiếng Anh: Gehman, H. S., "Stories of the Departed", Pali Text Society, 1942

Phẩm I - Phẩm Con Rắn 1. Chuyện - Thí Dụ Phước Điền (Khettùpamà)

2. Chuyện - Con Lợn Rừng (Sùkara)

3. Chuyện Ngạ Quỷ Có Mồm Hôi Thối (Pùtimukkha)

4. Chuyện Hình Nhân Bằng Bột (Pitthadhìtalika)

5. Chuyện Ngạ Quỷ Ngoại Bức Tường (Tirokuddapeta)

6. Chuyện Ngạ Quỷ Ăn Thịt Năm Đứa Bé (Pàncaputtakhadaka)

7. Chuyện Ngạ Quỷ Ăn Thịt Bẩy Đứa Bé (Sattaputtakhadaka)

8. Chuyện Con Bò (Gona)

9. Chuyện Ông Chủ Thợ Dệt (Mahàpesakàra)

10. Chuyện Nữ Nhân Sói Đầu (Khallàtiya)

11. Chuyện Con Voi (Nàga)

12. Chuyện Con Rắn (Uraga).

Phẩm II -

Phẩm Ubbarì 1. (13) Chuyện

Người Tìm Giải Thát Vòng Luân Hồi (Samsàramocaka)

2. (14) Chuyện Mẹ Của Trưởng Lão Sàriputta (Sàriputtatheramàtu)

3. (15) Chuyện Nữ Ngạ Quỷ Mattà (Mattàpetì)

4. (16) Chuyện Nữ Ngạ Quỷ Nandà (Nandàpetì)

5. (17) Chuyện Mattakundalì (Mattakundalì)

6. (18) Chuyện Đại Vương Kanha (Kanha)

7. (19) Chuyện Ngạ Quỷ Dhanapàla (Dhanapàlapeta)

8. (20) Chuyện Tiểu Chủ Ngân Khố (Cùlasetthi)

9. (21) Chuyện Ankura (Ankura)

10. (22) Chuyện Mẹ Của Uttara (Uttaramatù)

11. (23) Chuyện Cuốn Chỉ (Sutta)

12. (24) Chuyện Nữ Quỷ Ở Hồ Kannamunda (Kannamundapetì)

13. (25) Chuyện Hoàng Hậu Ubbarìi (Ubbarì)

Phẩm III -Tiểu Phẩm 1. (26) Chuyện Không Chìm Trong Nước (Abhijjamana)

2. (27) Chuyện Ngạ Quỷ Núi Sànuvàsin (Sànuvàsinpeta)

3. (28) Chuyện Nữ Quỷ Hồ Ràthakàrà (Ràthakàràpetì)

4. (29) Chuyện Rơm Trấu (Bhusa)

5. (30) Chuyện Chàng Trai (Kumàra)

6. (31) Chuyện Nữ Ngạ Quỷ Serinì (Serinì)

7. (32) Chuyện Người Săn Nai (Migaludda)

8. (33) Chuyện Người Săn Nai Thứ Hai (Dutiyamigaludda)

9. (34) Chuyện Những Phán Quyết Gian Dối (Kùtavinicchayika)

10. (35) Chuyện Khinh Xá Lợi (Dhàtuvivanna)
Phẩm IV -
Đại Phẩm 1. (36) Chuyện Vua Ambasakkhara
(Ambasakkhara)
2. (37) Chuyện Serìsaka (Serìsaka)

3. (38) Chuyện Quỷ Thần Nandaka (Nandakapeta)

4. (39) Chuyện Ngạ Quỷ Revatì

5. (40) Chuyện Cây Mía (Ucchu)

6. (41) Chuyện Các Vương Tử (Kumara)

7. (42) Chuyện Vị Vương Tử (Rajaputta)

8. (43) Chuyện Những Ngạ Quỷ Ăn Phân (Gùthakhadaka)

9. (44) Chuyện Thứ Hai Về Các Ngạ Quỷ Ăn Phân (Gùthakhadaka)

10. (45) Chuyện Bầy Ngạ Quỷ (Ganapeta)

11. (46) Chuyện Ngạ Quỷ Thành Pàtaliputta (Pataliputtapeta)

12. (47) Chuyện Các Trái Xoài (Amba)

13. (48) Chuyện Trục Xe và Cây Gỗ (Akkharukkha)

14. (49) Chuyện Thu Góp Tài Sản (Bhogasamharan)

15. (50) Chuyện Các Nam Tử Của Nhà Triệu Phú (Setthiputta)

16. (51) Chuyện Sáu Vạn Cái Búa (Satthikùtasahassa)

Giới thiệu Thiên cung sự và Ngạ quỷ sự Gs. Trần Phương Lan

T hiên cung sự (Vimanavatthu) và Ngạ quỷ sự (Petavatthu) là hai tập 6 và 7 của Tiểu Bộ kinh (Khuddàka Nikàya). Hai tập kinh này được xếp thành một đôi vì cách trình bày hình thức lẫn nội dung đều tương tự. Cả hai tập kinh đều đề cập đến sự tương quan giữa nghiệp và quả (Kamma-vipàka) giữa đời này và đời sau.

Chuyện Thiên cung (Vimanavatthu) gồm bảy chương, trong đó có 4 chương miêu tả các lâu đài trên Thiên giới dành cho các nữ nhân và 3 chương dành cho nam nhân. Tất cả các vị này đều đã sống đời đạo hạnh, hành trì Ngũ giới và Bát quan trai giới cùng các việc thiện khác, tùy theo phương tiện khả năng của mình.

Tất cả các chuyện này đã do Tôn giả Maha Moggallana (Đại Mục-kiền-liên) tường trình lên Đức Phật sau khi Tôn giả nhập định và nhờ thần lực đi lên cõi Thiên để gặp chư Thiên và hỏi chuyện. Về sau Đức Phật dùng các đề tài này để thuyết pháp.

Ở tập kinh này, chúng ta được dịp thưởng thức các vần thi kệ miêu tả đầy đủ mọi chi tiết về các kỳ quan trên thiên giới mà ta chưa từng gặp trong các tập kinh trước đây của 5 bộ Nikàya. Các vần kệ đầy thi vị hòa lẫn đạo vị ấy nói lên tính cách phong phú trữ tình của văn học Pàli được chư Tỷ kheo sáng tác với mục đích khuyến giáo sự tu tập của giới Phật tử tại gia.

Chuyện Ngạ quỷ (Petavatthu) là tập kinh song hành với tập chuyện Thiên cung, miêu tả cảnh giới đau khổ của những người đã tạo ác nghiệp từ Tăng chúng cho đến giới cư sĩ tại gia. Các loài quỷ (Peta) trong các chuyện này gồm hai loại: một loại Ngạ quỷ hoàn toàn chịu khổ đau mọi mặt, và một loại quỷ thần được hưởng một phần hạnh phúc do một số thiện nghiệp đã làm và một phần khổ đau do ác nghiệp đời trước.

Tuy nhiên một số quỷ này được hưởng phước báo khi may mắn gặp thân nhân hay một vị Tỷ kheo thương xót nhận làm các thiện sự, bố thí, cúng dường v.v... rồi hồi hướng công đức về chúng để mong chúng được thoát khổ cảnh. Ở đây ta gặp những vần kệ miêu tả sự tương phản giữa hai cảnh giới ngạ quỷ và thần tiên của các loài quỷ.

Qua hai tác phẩm trên, tôi hy vọng chư vị Phật tử và độc giả thưởng thức những công trình văn học Pàli đầy tính cách đạo đức khuyến dụ mọi giới Phật tử một nếp sống đạo hạnh chân chánh để được hưởng hạnh phúc ở đời sau, nếu chưa được giác ngộ giải thoát hoàn toàn theo lý tưởng Phật giáo.

(Trích Nguyệt san Giác Ngộ, 01-1999)

[Phẩm kế] [^]

Chân thành cám ơn anh HDC đã có thiện tâm giúp tổ chức đánh máy vi tính (B. Anson, 01/2001).

[Mục lục Tiểu Bộ][Thư Mục Tổng Quát]

updated: 13-08-2015

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.